TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DSST
Ngày: 08-7-2021
V/v tranh chấp nợ tiền mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- T2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thế Lộc.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Ngọc Tú T**, sinh năm 1982 – Chủ doanh nghiệp tư nhân C.

Địa chỉ: Số 88, đường K, Khu phố X, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Kim L**, sinh năm 2001 (Giấy ủy quyền ngày 21/5/2021).

Địa chỉ: Số 88, đường K, Khu phố X, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Trần Chí T2**, sinh năm 1974 và bà **Lữ Hồng T3**, sinh năm 1976.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lữ Hồng T3: Ông **Trần Chí T2**, sinh năm 1974 (Giấy ủy quyền ngày 20/5/2021).

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp HT, xã TH, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

(Chị L và ông T2 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng năm 2012, ông Trần Chí T2 và bà Lữ Hồng T3 có chạy ghe vào mua nước đá và dầu của Doanh nghiệp tư nhân C do ông Huỳnh Ngọc Tú T làm chủ. Hai bên mua bán theo hình thức gối đầu, dằn cử. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đính chính thời điểm hai bên giao dịch mua bán là từ năm 2009. Ông T có cho ông T2 và bà T3 dằn cử nước đá và dầu cuối năm 2011 số tiền là 75.000.000 đồng. Ngày 15/10/2012 nợ thêm 77.370.000 đồng. Ngày 28/01/2013, nợ phát sinh thêm là 15.316.000 đồng. Ngày 10/12/2013, nợ thêm 19.986.000 đồng. Ông T có gặp ông T2 và bà T3 đối chiếu, tổng kết nợ vào ngày 25/01/2014 T2 số tiền nợ là 187.672.000 đồng. Từ đó trở về sau, ông T2 và bà T3 không vào lấy nước đá và dầu của ông T nữa. Năm 2015, ông T có gặp ông T2 và bà T3 trao đổi số nợ thì ông, bà có gửi số tiền 3.000.000 đồng vào ngày 10/02/2015, tổng số tiền nợ còn lại là 184.670.000 đồng đến nay ông T2 và bà T3 không thanh toán cho ông T. Nay ông Huỳnh Ngọc Tú T – chủ Doanh nghiệp tư nhân C khởi kiện yêu cầu ông T2 và bà T3 phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 184.670.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng). Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn xác định tiền nợ trên là tiền mua nước đá còn thiếu.

Theo lời khai của bị đơn ông Trần Chí T2 trình bày:

Vợ chồng ông Trần Chí T2 và bà Lữ Hồng T3 có mua nước đá của Doanh nghiệp tư nhân C do ông Huỳnh Ngọc Tú T làm chủ khoảng hơn 10 năm. Mua bán kiểu gối đầu, trả nợ trước, sau đó lấy hàng và nợ lại. Việc thanh toán luôn đều đặn, đúng hẹn, mỗi chuyến ghe về đều trả tiền cho ông T. Tuy nhiên khoảng từ 4 – 5 năm, việc đánh bắt gặp khó khăn nên việc làm ăn thất bại, nợ nhiều người và nợ

ngân hàng nên bị kê biên bán tài sản thanh toán nợ. Do đó, ông T2 hiện không đi ghe mà đi làm thuê cho người khác nên không có khả năng thanh toán nợ. Ông T2 thừa nhận hiện nay còn nợ Doanh nghiệp tư nhân C do ông Huỳnh Ngọc Tú T làm chủ số tiền 184.670.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng), ông T2 xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng, khi nào qua đợt dịch bệnh có công việc ổn định sẽ trả nhiều hơn.

Tại bản tự khai đề ngày 20/5/2021, bị đơn bà Lữ Hồng T3 trình bày thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Trần Chí T2.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp tư nhân, mã số doanh nghiệp 1702011598 (phô tô chứng thực); 03 tờ giấy theo dõi nợ của ông Trần Chí T2 và bà Lữ Hồng T3 (phô tô).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông T2 và bà T3 cùng trả cho Doanh nghiệp tư nhân C do ông Huỳnh Ngọc Tú T làm chủ số tiền 184.670.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Chí T2 vẫn giữ nguyên lời trình bày như trên. Ông T2 chưa có khả năng trả nợ nên xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; giao gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, áp dụng các điều 155, 430, 434, 440 của Bộ luật Dân sự, buộc ông T2 và bà T3 trả cho ông Huỳnh Ngọc Tú T – chủ Doanh nghiệp tư nhân C số tiền còn nợ là 184.670.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu sáu

trăm bảy mươi nghìn đồng), ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Trần Chí T2 và bà Lữ Hồng T3 có nơi cư trú tại ấp HT, xã TH, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền mua nước đá còn thiếu. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử xác định giữa ông Huỳnh Ngọc Tú T – chủ Doanh nghiệp tư nhân C và ông Trần Chí T2, bà Lữ Hồng T3 có quan hệ hợp đồng mua bán tài sản là nước đá và dầu phục vụ cho việc đi ghe biển từ năm 2009, hình thức nợ gối đầu, trả nợ trước, sau đó lấy hàng và nợ lại. Tính đến ngày 10/02/2015, ông T2 và bà T3 còn nợ tiền mua nước đá của ông T tổng số tiền là 184.670.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) đến nay chưa thanh toán. Đây là hợp đồng mua bán tài sản, phù hợp quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự. Giao dịch dân sự được xác lập giữa các bên có hiệu lực theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 của Bộ luật Dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Dân sự về thực hiện nghĩa vụ trả tiền: *"1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận"*. Khoản 2 Điều 440 của Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ trả tiền: *"2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản"*. Do ông T2 và bà T3 vi phạm việc trả nợ, nên ông T – chủ Doanh nghiệp tư nhân C yêu cầu ông T2 và bà T3 phải có nghĩa vụ trả số nợ 184.670.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật. Ông T2 và bà T3 đều thừa nhận còn nợ của ông T số tiền trên nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, tuy nhiên đại diện nguyên đơn không đồng ý, nên cần buộc ông T2 và bà T3 phải có nghĩa vụ trả số tiền 184.670.000

đồng cho ông T – chủ Doanh nghiệp tư nhân C. Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh.

[4] Về án phí: Ông T2 và bà T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 184.670.000 đồng x 5% = 9.233.500 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 280, 357, 430, 434, 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc Tú T – chủ Doanh nghiệp tư nhân C. Buộc ông Trần Chí T2 và bà Lữ Hồng T3 phải liên đới trả số tiền 184.670.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) cho ông Huỳnh Ngọc Tú T – chủ Doanh nghiệp tư nhân C.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Trần Chí T2 và bà Lữ Hồng T3 phải cùng chịu án phí số tiền 9.233.500 đồng (Chín triệu hai trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng).

- Trả lại cho ông Huỳnh Ngọc Tú T – chủ Doanh nghiệp tư nhân C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.616.750 đồng (Bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009333 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDS Tp. H;
- Những người TGTT,
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Chí Dũng